BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 112/2011/TTLT-BTC-BKHCN	*Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2011*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015;

Liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ *(gọi tắt là Chương trình).*

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước bảo đảm và bố trí trong dự toán chi ngân sách của Bộ Khoa học và Công nghệ, địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật;
- Kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ Chương trình;
- Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác *(nếu có)*;
- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Quy trình lập dự toán, phân bổ, giao dự toán chi ngân sách và chế độ thanh quyết toán thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư thực hiện các dự án thuộc Chương trình có hiệu quả, lồng ghép và không trùng lắp với các Chương trình, dự án khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ là sản phẩm do con người tạo ra trong quá trình lao động sáng tạo, bao gồm: Tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; phần mềm máy tính; sáng chế; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu; chỉ dẫn địa lý; tên thương mại; thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; giống cây trồng mới và các sản phẩm trí tuệ có giá trị khác.

2. Khai thác tài sản trí tuệ là việc đưa các tài sản trí tuệ vào áp dụng, sử dụng, quản lý trong thực tế nhằm tạo ra các lợi ích, ưu thế cho chủ sở hữu, người tham gia vào việc áp dụng, sử dụng tài sản trí tuệ đó và cho xã hội.

3. Khai thác sáng chế không được bảo hộ tại Việt Nam là hoạt động tra cứu, đánh giá, tổng hợp và lựa chọn các công nghệ, giải pháp kỹ thuật có khả năng áp dụng thực tiễn thuộc các sáng chế không được bảo hộ tại Việt Nam từ đó tiến hành xây dựng, triển khai phương án áp dụng các công nghệ, giải pháp kỹ thuật này.

4. Khai thác thông tin sở hữu trí tuệ là việc sử dụng thông tin về các đối tượng sở hữu trí tuệ trong các cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu trí tuệ, bao gồm: Tra cứu thông tin, xây dựng các gói thông tin theo các lĩnh vực kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai, xác lập, bảo hộ, khai thác, quản lý và phát triển các đối tượng sở hữu trí tuệ.

5. Lĩnh vực nông nghiệp gồm các lĩnh vực được liệt kê tại điểm 1 Điều 2 "Quy chế xây dựng, ban hành, phổ biến và kiểm tra áp dụng tiêu chuyển ngành" ban hành kèm theo Quyết định số 74/2005/QĐ-BNN ngày 14/11/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; phân bón; giống cây trồng; giống vật nuôi; chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt và chăn nuôi; thức ăn chăn nuôi; nông sản; cơ điện nông nghiệp; đất nông nghiệp; quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng trong nông nghiệp.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung chi của Chương trình

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi cho các hoạt động chung của Chương trình và chi thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 thông qua các dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt với các nội dung chi cụ thể quy định tại các khoản từ 1 đến 11 Điều này.

1. Chi hoạt động chung của Chương trình:

- Hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn về sở hữu trí tuệ, triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và ngoài nước;

- Hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Chương trình;

- Xây dựng, biên soạn, in ấn các tài liệu liên quan đến quản lý và thực hiện Chương trình;

- Thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Thư ký, Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng Chương trình;

- Xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước các nhiệm vụ của Chương trình;

- Đoàn ra, đoàn vào *(nếu có)*;

- Hoạt động thường xuyên cho Văn phòng Chương trình;

- Điều tra, khảo sát phục vụ xây dựng và phê duyệt các dự án quan trọng của Chương trình; đánh giá mô hình mẫu từ kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phục vụ việc khai thác, nhân rộng và phổ biến mô hình;

- Mua, sửa chữa thiết bị văn phòng của Văn phòng Chương trình;

- Thuê chuyên gia tư vấn *(nếu có)* về các nội dung, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình quản lý và thực hiện Chương trình;

- Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động chung của Chương trình.

2. Các nội dung chi liên quan đến hoạt động tuyên truyền, đào tạo và phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ:

- Tuyên truyền về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chi in ấn tờ in, ấn phẩm, áp phích;

- Tổ chức hội thảo, đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ tại Trung ương và địa phương;

- Biên soạn, phát hành tài liệu kỹ thuật, tài liệu mẫu, giáo trình hướng dẫn về sở hữu trí tuệ; hướng dẫn phương thức thực hiện đăng ký sở hữu trí tuệ ở trong nước và ngoài nước; cung cấp, hướng dẫn khai thác các nguồn thông tin của hệ thống sở hữu trí tuệ trong nước và ngoài nước;

- Thiết lập, duy trì đường dây nóng, trang tin điện tử về sở hữu trí tuệ.

3. Chi xây dựng, đăng ký, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ đặc thù của các địa phương bao gồm: hỗ trợ đánh giá sản phẩm, dịch vụ đặc thù của địa phương nhằm xác định sự cần thiết phải bảo hộ; xác định chủ thể quyền; lựa chọn hình thức bảo hộ, tiến hành xây dựng hồ sơ, tiến hành các thủ tục xác lập quyền; tổ chức quản lý và sử dụng đối tượng được bảo hộ trên thực tế, bảo vệ và phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ.

4. Chi áp dụng sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ tại Việt Nam phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh:

- Điều tra, khảo sát, xác định nhu cầu của tổ chức, cộng đồng, địa phương về áp dụng, đổi mới công nghệ, khai thác sáng chế không được bảo hộ tại Việt Nam phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh;

- Tra cứu, đánh giá, lựa chọn và xác định công nghệ, các giải pháp phù hợp với nhu cầu khai thác, áp dụng;

- Xây dựng và triển khai phương án áp dụng công nghệ, các giải pháp từ các sáng chế không được bảo hộ tại Việt Nam đã lựa chọn.

5. Chi tư vấn thành lập và hỗ trợ hoạt động các tổ chức hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ:

- Điều tra, khảo sát, nghiên cứu và học tập kinh nghiệm mô hình tổ chức hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tại nước ngoài;

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình hoạt động của tổ chức hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ;

- Tư vấn thành lập tổ chức hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ;

- Hỗ trợ hoạt động tổ chức hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ: nghiên cứu, hướng dẫn xây dựng và thực hiện các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ *(về phương thức tổ chức bộ máy; xây dựng, xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ)*.

6. Chi hỗ trợ xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước, bao gồm:

- Thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp *(phổ biến kiến thức, yêu cầu về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp)*;

- Xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với thành quả sáng tạo khoa học công nghệ *(khuyến khích lao động sáng tạo; đưa thông tin sở hữu trí tuệ vào hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khoa học - công nghệ; xác lập, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ đối với sản phẩm sáng tạo khoa học - công nghệ)*;

- Đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển giá trị của giống cây trồng mới: tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký bảo hộ, khai thác và quản lý khai thác giống cây trồng mới; hỗ trợ hoạt động quảng cáo, giới thiệu giống cây trồng mới;

- Đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của phần mềm máy tính và tác phẩm văn học - nghệ thuật *(tư vấn, hướng dẫn đăng ký bảo hộ, khai thác và tiến hành các biện pháp chống sao chép hoặc sử dụng trái phép phần mềm máy tính, tác phẩm văn học - nghệ thuật và tác phẩm khoa học; hỗ trợ hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm phần mềm máy tính và các tác phẩm văn học - nghệ thuật và tác phẩm khoa học)*.

7. Chi hỗ trợ xây dựng và áp dụng các quy trình quản lý, kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao giá trị tài sản trí tuệ:

- Xây dựng, áp dụng các biện pháp, quy trình quản lý các sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ mới để quản lý, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

8. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai các hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép đối tượng sở hữu trí tuệ:

- Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho các cán bộ trong hệ thống các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ;

- Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động phối hợp, trao đổi thông tin, nâng cao năng lực cho hệ thống các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

9. Chi hỗ trợ tổ chức, triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ: xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động hợp tác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài về đào tạo, trao đổi thông tin, đăng ký xác lập và bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao năng lực và phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam.

10. Chi hỗ trợ các hoạt động khai thác thông tin khoa học - công nghệ và sở hữu trí tuệ phục vụ nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh:

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu, sản phẩm thông tin khoa học - công nghệ và sở hữu trí tuệ;

- Đào tạo, tập huấn hướng dẫn khai thác và tra cứu các nguồn thông tin khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ;

- Tổ chức cung cấp thông tin khoa học - công nghệ và sở hữu trí tuệ theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân;

- Hỗ trợ khai thác, ứng dụng thông tin khoa học - công nghệ, đặc biệt là thông tin sáng chế phục vụ nghiên cứu, triển khai nhằm tạo ra các công nghệ mới và sản phẩm mới.

11. Chi hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, xây dựng và phổ biến các mô hình thúc đẩy chuyển giao tài sản trí tuệ; nghiên cứu, hướng dẫn xác định phương pháp định giá tài sản trí tuệ phục vụ doanh nghiệp trong quá trình chia tách, cổ phần hoá và các nhu cầu định giá tài sản trí tuệ khác.

Điều 5. Mức chi và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Đối với nhiệm vụ chi quy định tại các khoản 2 đến khoản 11 Điều 4 được xây dựng dưới hình thức các dự án khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện khoán kinh phí theo quy chế chi tiêu kinh phí của dự án đã được thống nhất giữa thủ trưởng tổ chức chủ trì với chủ nhiệm dự án được quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Đối với các nhiệm vụ chi hoạt động chung quy định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy tại các văn bản hiện hành.

2. Tùy theo từng nội dung chi quy định tại Điều 4 Thông tư này, ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ hay một phần tổng kinh phí được duyệt của dự án do Trung ương quản lý, cụ thể:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% kinh phí đối với:

- Chi hoạt động chung của Chương trình;

- Các nội dung chi nêu tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Thông tư này;

- Các nội dung trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Các nhiệm vụ cấp bách thuộc Chương trình cần phải thực hiện ngay theo yêu cầu của thực tiễn triển khai Chương trình được quy định tại Điều 19 Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20/4/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tuyển chọn và quản lý dự án thuộc Chương trình, nhiệm vụ mà nội dung chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó và không thể tuyển chọn được đơn vị chủ trì thực hiện theo thủ tục quy định. Việc thực hiện các nhiệm vụ này là cần thiết để tạo ra các sản phẩm, kết quả có giá trị phổ biến, nhân rộng hoặc làm cơ sở cho thực hiện các nội dung khác thuộc Chương trình.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ từ 50% đến 70% tổng kinh phí để thực hiện dự án thực hiện các nội dung nêu tại các khoản từ 5 đến 11 Điều 4 Thông tư này thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp.

3. Đối với các dự án do Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý, ngân sách Trung ương hỗ trợ ngân sách hàng năm cho các địa phương theo nguyên tắc mức hỗ trợ phụ thuộc vào lĩnh vực dự án thực hiện, đơn vị chủ trì thực hiện dự án và tỷ lệ phần trăm điều tiết ngân sách nhà nước ở Trung ương về địa phương, cụ thể:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ không quá 90% tổng kinh phí phần do ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện dự án đối với các tỉnh miền núi; kinh phí còn lại *(không thấp hơn 10%)* do ngân sách địa phương cân đối;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ không quá 70% tổng kinh phí phần do ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện dự án đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương; kinh phí còn lại *(không thấp hơn 30%)* do ngân sách địa phương cân đối;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ không quá 30% tổng kinh phí phần do ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện dự án đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết về ngân sách nhà nước ở Trung ương dưới 50%; kinh phí còn lại *(không thấp hơn 70%)* do ngân sách địa phương cân đối;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ không quá 20% tổng kinh phí phần do ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện dự án đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết về ngân sách nhà nước ở Trung ương trên 50%; kinh phí còn lại *(không thấp hơn 80%)* do ngân sách địa phương cân đối.

Điều 6. Chi thù lao trách nhiệm

Mức chi thù lao trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Thư ký Chương trình, Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng Chương trình được tính như sau:

1. Ban Chỉ đạo:

- Trưởng ban: 500.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên: 400.000 đồng/người/tháng.

2. Ban Thư ký:

- Trưởng ban: 400.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên: 350.000 đồng/người/tháng.

3. Văn phòng Chương trình:

- Chánh Văn phòng: 400.000 đồng/người/tháng;

- Phó Chánh Văn phòng: 350.000 đồng/người/tháng.

Đối với các chức danh thực hiện các nhiệm vụ tương đương tại địa phương, thực hiện mức chi bằng 70% mức chi theo quy định nêu trên.

Điều 7. Phân định nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách Trung ương:

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động chung của Chương trình ở Trung ương; kinh phí được duyệt của dự án do Trung ương quản lý.

- Hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện các dự án do Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý theo tỷ lệ quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư này.

2. Ngân sách địa phương:

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động chung của Chương trình ở địa phương;

- Bảo đảm một phần kinh phí để thực hiện dự án đối với dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý theo tỷ lệ quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư này.

3. Nguồn huy động kinh phí đối ứng từ các tổ chức, cá nhân hưởng lợi đối với các dự án ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần kinh phí. Mức cụ thể do cơ quan phê duyệt dự án quyết định và được thể hiện rõ trong hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án.

4. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước:

- Nếu việc đóng góp của các tổ chức, cá nhân kèm theo thoả thuận điều kiện thực hiện về quản lý, sử dụng thì việc quản lý, sử dụng phần kinh phí này thực hiện theo thoả thuận đó;

- Nếu việc đóng góp của các tổ chức, cá nhân không kèm theo thoả thuận điều kiện thực hiện về quản lý, sử dụng thì phần kinh phí đóng góp này được giảm trừ trước khi tính theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách nhà nước và các doanh nghiệp được hưởng lợi từ dự án. Đồng thời thực hiện việc quản lý, sử dụng, quyết toán phần kinh phí này theo quy định chung hiện hành.

Điều 8. Lập dự toán chi ngân sách của Chương trình

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của Chương trình và danh mục các dự án thuộc Chương trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, việc lập dự toán kinh phí cho Chương trình được thực hiện.

1. Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách Trung ương cho thực hiện các dự án Trung ương quản lý, chi hỗ trợ thực hiện các dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý, chi đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ, chi thông tin tuyên truyền và các hoạt động chung của Chương trình ở Trung ương: Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ lập dự toán chi ngân sách và tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của Bộ Khoa học và Công nghệ, gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương: Các địa phương lập dự toán chi ngân sách để thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý và chi hoạt động chung ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Nguồn kinh phí khác thực hiện Chương trình:

- Kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án;

- Kinh phí lồng ghép với các Chương trình, dự án khác;

- Kinh phí huy động từ các nguồn kinh phí khác.

Dự toán nguồn kinh phí khác thực hiện Chương trình do đơn vị chủ trì thực hiện dự án lập khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét và tổng hợp cùng dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo phân cấp quản lý dự án của Chương trình.

Điều 9. Giao và phân bổ dự toán chi ngân sách

1. Về giao dự toán:

- Dự toán chi ngân sách Trung ương cho các dự án Trung ương quản lý, chi hỗ trợ thực hiện các dự án do Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý, chi đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ, chi thông tin tuyên tuyền và chi hoạt động chung của Chương trình ở Trung ương: Giao về Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Phần ngân sách địa phương bảo đảm được bố trí cân đối trong ngân sách địa phương và thực hiện giao dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Việc phân bổ dự toán chi cho các đơn vị: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Trong thời gian có hiệu lực triển khai dự án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, số kinh phí được giao dự toán *((bao gồm cả số dư dự toán và số dư tạm ứng tại kho bạc nhà nước nơi Cơ quan thường trực Chương trình giao dịch và kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại (trường hợp đơn vị chủ trì thực hiện dự án là doanh nghiệp) nơi đơn vị chủ trì thực hiện dự án giao dịch))* để thực hiện dự án nếu không được sử dụng hết trong năm thì sẽ được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện.

Điều 10. Cấp phát kinh phí

1. Đối với các dự án Trung ương quản lý:

a) Nhận kinh phí và kiểm soát chi:

- Bộ Khoa học và Công nghệ giao dự toán hàng năm theo tiến độ và khối lượng công việc thực hiện, phù hợp với hợp đồng ký kết giữa Cục Sở hữu trí tuệ và các đơn vị chủ trì thực hiện dự án;

- Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm kiểm soát tính hợp pháp của các hồ sơ, chứng từ chi của đơn vị chủ trì thực hiện dự án; thực hiện thanh quyết toán với Kho bạc Nhà nước nơi Cục Sở hữu trí tuệ giao dịch theo quy định hiện hành;

- Các đơn vị chủ trì thực hiện dự án mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc Ngân hàng Thương mại *(trường hợp đơn vị chủ trì thực hiện dự án là doanh nghiệp)* để tiếp nhận kinh phí thực hiện dự án. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án tự chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của mình trên cơ sở quy chế chi tiêu kinh phí của đề tài, dự án đã được thống nhất giữa thủ trưởng đơn vị chủ trì với chủ nhiệm đề tài, dự án theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 về hướng dẫn khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Cục Sở hữu trí tuệ về tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án.

b) Tạm ứng:

- Căn cứ vào dự toán năm được giao và tiến độ cấp kinh phí theo hợp đồng ký kết, Cơ quan thường trực Chương trình rút dự toán để tạm ứng 100% kinh phí đợt 1 cho các đơn vị thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 70% tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương.

- Đối với tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo, căn cứ trên cơ sở báo cáo, biên bản kiểm tra đánh giá tiến độ, khối lượng thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí, Cơ quan thường trực Chương trình chỉ thực hiện tạm ứng các đợt tiếp theo đối với các dự án đã sử dụng được tối thiểu 70% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó. Hồ sơ tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm:

+ Biên bản kiểm tra tiến độ và đánh giá khối lượng thực hiện công việc đã hoàn thành;

+ Bản xác nhận của Cục Sở hữu trí tuệ về các khoản kinh phí đã sử dụng tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành;

+ Giấy tạm ứng dự toán ngân sách nhà nước.

c) Thanh toán tạm ứng:

Khi thanh toán tạm ứng, Cục Sở hữu trí tuệ gửi hồ sơ thanh toán tạm ứng cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, hồ sơ thanh toán tạm ứng bao gồm:

- Bản xác nhận của Cục Sở hữu trí tuệ về các khoản kinh phí đã sử dụng tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành;

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của Cục Sở hữu trí tuệ;

- Bản sao các chứng từ hợp pháp phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, phù hợp với khối lượng công việc đã thực hiện của cơ quan chủ trì dự án.

2. Các khoản chi về đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ; chi tuyên truyền; chi hoạt động chung của Chương trình ở Trung ương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Dự toán chi ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các dự án do Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý: Thực hiện theo Hợp đồng ủy quyền quản lý dự án giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Cơ quan quản lý dự án ở địa phương.

4. Đối với kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương:

a) Đối với các khoản chi hoạt động chung của Chương trình ở địa phương: thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với các khoản chi dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, theo tiến độ và khối lượng công việc thực hiện, phù hợp với hợp đồng ký kết giữa Cơ quan quản lý dự án ở địa phương với đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

5. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp thực tế phải phù hợp với cơ cấu giữa kinh phí ngân sách nhà nước với vốn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ dự án, theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Việc cấp phát, tạm ứng và thanh toán tạm ứng các nguồn kinh phí khác thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nguồn kinh phí đó.

Điều 11. Công tác hạch toán và quyết toán kinh phí của Chương trình

1. Đối với kinh phí chi thực hiện các dự án do Trung ương quản lý, kinh phí từ ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý, chi đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ, chi thông tin tuyên tuyền và các hoạt động chung của Chương trình ở Trung ương: Hàng năm trên cơ sở số kinh phí được cấp trong năm và khối lượng công việc đã thực hiện trong năm, các cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm báo cáo quyết toán kinh phí với Cục Sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở số liệu thanh toán tạm ứng của các dự án với Kho bạc nhà nước, Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện các dự án do Trung ương quản lý, kinh phí từ ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, hoạt động thông tin truyền thông và chi hoạt động chung vào chương của Bộ Khoa học và Công nghệ và loại khoản tương ứng. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện các dự án do Trung ương quản lý, kinh phí từ ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý, và kinh phí chi cho các hoạt động khác của Chương trình ở Trung ương, tổng hợp vào báo cáo quyết toán hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.

2. Đối với kinh phí từ ngân sách địa phương chi thực hiện các dự án do Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý, các hoạt động chung của Chương trình ở địa phương: Hạch toán vào chương của Sở Khoa học và Công nghệ địa phương và loại khoản tương ứng. Sở Khoa học và Công nghệ địa phương có trách nhiệm quyết toán kinh phí từ ngân sách địa phương thực hiện dự án và kinh phí chi cho các hoạt động chung của Chương trình ở địa phương với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Việc hạch toán và quyết toán các nguồn kinh phí khác thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nguồn kinh phí đó.

Điều 12. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm

Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì *(đối với các dự án do Trung ương quản lý)*, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Sở Khoa học và Công nghệ *(nếu được giao)* chủ trì *(đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý)* phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện dự án.

Trường hợp không thực hiện đúng kế hoạch, sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ, thì đình chỉ và ra quyết định thu hồi kinh phí đã sử dụng sai mục đích nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp vốn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ dự án không đảm bảo tiến độ, không đúng cam kết trong hợp đồng, thì phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước được giảm tương ứng với cơ cấu tỷ lệ đóng góp kinh phí để thực hiện dự án.

Điều 13. Xử lý về tài chính khi chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự

1. Hợp đồng đã được hoàn thành: Hợp đồng đã hoàn thành và nghiệm thu đạt yêu cầu thì tiến hành tất toán kinh phí dự án theo qui định hiện hành.

2. Hợp đồng không đạt yêu cầu: Các trường hợp sau được coi là không đạt yêu cầu:

- Hợp đồng đã hoàn thành, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu;

- Hợp đồng bị dừng thực hiện do khi kiểm tra cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thấy không thực hiện đúng theo yêu cầu mục tiêu đề ra hoặc cơ quan chủ trì đề nghị không tiếp tục thực hiện dự án.

Đối với các Hợp đồng không đạt yêu cầu thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 14. Đối với các Hợp đồng không đạt yêu cầu

Đối với Hợp đồng không đạt yêu cầu: Sau khi kiểm tra xác định tình hình thực hiện dự án, Cục Sở hữu trí tuệ *(đối với dự án Trung ương quản lý)* có văn bản báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ địa phương *(đối với dự án do Trung ương uỷ quyền cho địa phương quản lý)* có văn bản báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xem xét quyết định theo quy định về xử lý đề tài, dự án không hoàn thành nêu tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 về hướng dẫn khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Việc thu hồi kinh phí ngân sách nhà nước cấp nêu trên được ghi rõ trong hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án.

Điều 15. Công tác xử lý tài sản của Chương trình

Tài sản được đầu tư từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Chương trình là tài sản nhà nước. Đơn vị được Nhà nước giao nhiệm vụ mua sắm, quản lý sử dụng tài sản có trách nhiệm chấp hành đúng chế độ hiện hành về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đánh giá, nghiệm thu chính thức dự án, hoặc dự án có quyết định dừng thực hiện đơn vị sử dụng tài sản phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản: Thu hồi, điều chuyển, bán, chuyển đổi sở hữu, cụ thể là:

- Bộ Tài chính quyết định phương án xử lý theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với những tài sản được đầu tư, mua sắm bằng nguồn ngân sách Trung ương;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định phương án xử lý theo đề nghị của Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ đối với những tài sản được đầu tư, mua sắm bằng nguồn ngân sách địa phương *(kể cả nguồn ngân sách Trung ương đã ủy quyền cho địa phương)*.

Điều 16. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

Các Bộ: Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Công Thương; Y tế và các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp và thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2011.

Điều 18. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Quân	**Nguyễn Thị Minh**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng